

CÔNG TY TNHH ACIV HEALTH AND BEAUTY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ACIV HEALTH AND BEAUTY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ACIV HEALTH AND BEAUTY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109608646

3. Ngày thành lập: 23/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 29, Tòa Đông, Lotte Center Hà Nội, Số 54 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0794112358

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Trồng cây ăn quả	0121
3.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
4.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
5.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
6.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
7.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
8.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
9.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
10.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
11.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
12.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
13.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
14.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
15.	Sản xuất đường	1072
16.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
17.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
18.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

19.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
20.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
21.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
22.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
23.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
24.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
25.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
26.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
27.	Sản xuất giày, dép	1520
28.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
29.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
30.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
31.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
32.	In ấn	1811
33.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rên rập khuôn tem)	1812
34.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón	2012
35.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
36.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
37.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc Sản xuất dược liệu	2100
38.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
39.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
40.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
41.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
42.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396

43.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
44.	Đúc sắt, thép	2431
45.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
46.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
47.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
48.	Xây dựng nhà để ở	4101
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
52.	Xây dựng công trình điện	4221
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
55.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
56.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
57.	Phá dỡ	4311
58.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
59.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
60.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
62.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

63.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
64.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4511
65.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đấu giá)	4512
66.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4513
67.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4530
68.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động của đấu giá viên); Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
69.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
70.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631

71.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Bán buôn thực phẩm khác: Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
72.	Bán buôn đồ uống	4633
73.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
74.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu: Bán buôn thuốc	4649(Chính)
75.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
76.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (Trừ Bán buôn vàng và kim loại quý khác)	4653
78.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Mua bán trang thiết bị y tế	4659
79.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ Bán buôn vàng và kim loại quý khác)	4662

80.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
81.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
82.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4711
83.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
84.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
85.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
86.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
87.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
88.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
89.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
90.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
91.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
92.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
93.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781

94.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
95.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
96.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
97.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
98.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
99.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
100.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
101.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
102.	Lập trình máy vi tính	6201
103.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
104.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
105.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy máy tính	8559
106.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
107.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
108.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
109.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
110.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
111.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524

112.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) (Không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền)	9610
113.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
114.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, hôn nhân có yếu tố nước ngoài, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
115.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: -Cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: + Thiết kế kiến trúc công trình; + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; + Thiết kế cơ - điện công trình; + Thiết kế cấp - thoát nước công trình; + Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: + Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; + Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Dịch vụ tư vấn đấu thầu - Tư vấn quản lý dự án	7110
116.	Quảng cáo	7310
117.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ thông tin Nhà nước cấm)	7320

118.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
119.	Cho thuê xe có động cơ	7710
120.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
121.	Đại lý du lịch	7911
122.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7912
123.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
124.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
125.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
126.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH ASIA CONSULTING AND INVEST VIỆT NAM	Tầng 29, Tòa Đông, Lotte Center Hà Nội, Số 54 Liễu Giai, Phường Công Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.500.000.000	55,000	0107836936	
2	PHẠM HỮU CÔNG	Tổ dân phố số 6, Phường Chùa Hang, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	4.500.000.000	45,000	090967665	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ THANH THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/11/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C9375946

Ngày cấp: 29/10/2020

Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Lương Phúc, Xã Việt Long, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Lương Phúc, Xã Việt Long, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội